

Dñ đña hñp tác quân sñ giña hai quñc gia Viñt Nam-Mñ ñang dñn dñn nñi rñng ra vñi tññng thích vñ tñm nhìn và hñi tñ vñ tññng ññng lñi ích chiñn lññc. Thño luñn vñ hñ quñ ña chiñu cña quyñt ññnh ññnh ññ bñ hoàn toàn lñnh cñm vñn vñ khí sát thññng cña Mñ là mñt ññp ññ tñng quan lñi nhu cñu hñp tác, cñng nhñ xem xét khñ nñng và giñi hñn cña cñ hai bên.



lĩnh vực thông tin lai hợp tác quân sự Việt-Mỹ

Sự thông tin thích giữa các hệ thống và khí khác nhau là một yêu cầu quan trọng. Nhưng quan trọng không kém, nếu không muốn nói còn được xem là điều kiện tiên hàng đầu, là sự thông tin thích và tầm nhìn chiến lược giữa các bên. Ở điểm này Việt Nam và Mỹ đang có những bước tiến cùng.

[Sách trắng Quốc phòng Việt Nam năm 2009](#) nêu rõ: “Việt Nam chủ trương mở rộng đối ngoại quốc phòng, tham gia ngày càng tích cực vào các hoạt động hợp tác quốc phòng, an ninh của khu vực và của cộng đồng quốc tế”. Các mối quan hệ quốc phòng được nhận mạnh bao gồm trao đổi các đoàn quân sự các cấp, tham vấn – đối thoại quốc phòng, tham gia các diễn đàn khu vực và quốc tế. Mục tiêu là nhằm xây dựng lòng tin và ngăn ngừa xung đột. Chia sẻ với báo chí, Phó Tổng tham mưu trưởng Võ Văn Tuấn [nhận mạnh rằng](#) ,

học thuyết quân sự của Việt Nam là xây dựng quân đội chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, tiến tới hiện đại hoá toàn quân. Thời kỳ trước đây, quân đội chủ yếu tiến hành hiện đại hoá nòng cốt thông qua Phòng không không quân, Hải quân, Thông tin liên lạc, Trinh sát kỹ thuật và Tác chiến điện tử. Trong giai đoạn tiếp theo, Việt Nam sẽ hiện đại hoá tất cả các quân binh chủng.

Dù Trung Quốc đang dịch chuyển từ công nghiệp lữ đoàn sang công nghiệp đối đầu thì trong ngắn hạn lực lượng hải quân phối hợp tác chiến của Mỹ vẫn chiếm ưu thế tuyệt đối so với Trung Quốc. Điều quan trọng hơn trong chiến lược triển khai sức mạnh tại khu vực châu Á Thái Bình Dương của Mỹ chính là việc áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật mang tính đột phá nhằm tạo ưu thế thông tin, tình báo - giám sát. Hiện hình là chiến lược tác chiến không gian mạng; tác chiến không gian; máy bay, tàu ngầm không ngừng lái; kỹ thuật ngừng máy; tác chiến điện tử... Tất cả Mỹ gọi là: Tiếp cận toàn diện (

[all domain access](#)

). Theo đó, quân đội Mỹ không chú trọng sức mạnh súng đạn mà còn ứng dụng công nghệ vượt trội vào chiến lược giám sát, tiếp cận từ góc độ hợp tác tình báo, môi trường biển, từ do hàng hải, khảo sát địa chất, công nghệ biển, phát triển hệ thống công nghệ thông tin phục vụ phát triển hàng hải v.v... Đó là một không gian quan trọng để các nước Đông Nam Á trở thành những nút thắt hợp tác, trong đó Việt Nam có thể là một điểm quan trọng nhất.

Cội thiến năng lực ISR

Là “tai” và “mắt” của bộ đội không lực không quân hiện đại nào, các hệ thống C4ISR đóng vai trò quan trọng trong chiến tranh và chiến chấp. Trong chiến tranh, năng lực này giúp quân đội phát hiện sớm những mối đe dọa an ninh ở cả trên không và trên biển. Bên cạnh đó, nó còn giúp các lực lượng dân sự quản lý tài nguyên và phòng chống thiên tai. Chiến chấp, rõ ràng lực lượng nào “nhìn thấy” hay “nghe thấy” đội phòng sớm hơn và nhanh hơn sẽ nắm nhiều lợi thế trên chiến trường. Đây là công nghệ mà Mỹ chấp nhiều lợi thế hơn bộ đội của nhà cung cấp vũ khí nào khác.

Nhìn qua các nước châu Á, và xu thế phát triển hệ thống C4ISR tại các nước này. Trung Quốc chấp hơn, tuy vẫn chấp so sánh với Mỹ, nhưng chấp đã tiên tiến hơn nhiều so với các nước láng giềng. Công nghiệp quốc phòng Trung Quốc đã phát triển đội máy bay chấp báo sớm trên không KJ-2000 [có thể so sánh](#) với E-3 Sentry hay E-2 Hawkeye của Mỹ. Các máy bay Y-8J của hiện quân, mặc dù kém hiện đội hơn, chấp đội xem là có khả năng

[phát hiện các vật thể nhỏ](#)

nhỏ kính viễn vọng của tàu ngầm ở khoảng cách 185 km. Đó là chấp khả thể các loại UAV mà nước này đang nghiên cứu và phát triển, tiêu biểu là loại BZK-005 vẫn [đang được Trung Quốc triển khai tại đảo Phú Lâm](#)

. Đó là chấp khả thể năng lực ISR trên không gian của Trung Quốc vẫn chấp đã được hình thành và chấp biến với các dự án liên quan tại hệ thống định vị Bắc cực (chấp tranh với GPS của Mỹ).

Tại Đông Nam Á, Singapore là quốc gia có năng lực C4ISR hoàn thiện hơn cả. Ngay từ năm 2003, quân đội Singapore [đã đưa vào kết nối](#) hệ thống chấp huy và kiểm soát hiện hợp (IKC2). Năm năm 2008 thì đưa vào hoạt động Hệ thống điều khiển tác chấp Trên không-Mắt đất (ALTaCC) nhằm tăng chấpng quá trình ra quyết định chấp huy. Không quân Singapore (RSAF) chấp đã trang bị các loại UAV của Israel (Heron-1 và Hermes-450) cho các hoạt động tuần tra. Lý do là các UAV này có hệ thống chấp biến tầm xa thể hiện các máy bay tuần tra thế hệ cũ. Chấp biệt hơn, RSAF sẽ dùng máy bay chấp báo sớm G550 chấp do Israel phát triển để nâng cao tầm quan sát ngoài độing chân thể (over-the-horizon).

Các quốc gia khác lợi chấp có được mắt mắt để quan tâm tại C4ISR toàn diện như Singapore. Xét về mắt trang thể thể thể, Malaysia hay Thái Lan chấp phát triển mắt sự chấp phần chấp của C4ISR. Ví dụ như Malaysia đã có thể [tự phát triển](#) mắt sự loại UAV và định thể [mua](#)

Sức UAV

từ nước ngoài. Nước này cũng đã đặt hàng mua sắm

ra-đa bay và bí mật

của hãng Airbus. Malaysia mua sắm hệ thống kỹ thuật phòng tin cảnh báo sớm đường không nào, trong khi Thái Lan đã có các máy bay cảnh báo đường không của Thuỵ Điển. Còn Malaysia, Việt Nam, Thái Lan hay Philippines đều mua sắm hệ thống UAV nhưng không nước nào có các hệ thống chỉ huy và kiểm soát hiện hệ như Singapore.

Đặt lĩnh vực công nghệ trong bối cảnh hiện đại hoá quân đội theo xu hướng phát triển C4ISR như trên cho thấy nhu cầu “đồng đội” hợp tác quan trọng. Không quân và hải quân Việt Nam đang trong quá trình “tích tụ lên hiện đại” với mua sắm trong nhiều trọng tâm đặt vào việc xây dựng hệ thống tác chiến điện tử, chỉ huy và kiểm soát (C2) và ISR mạnh. Việt Nam thời gian qua cũng đã có gắng cải thiện năng lực này. Có thể lấy mua sắm ví dụ như kế hoạch phát triển mua sắm [35 triệu](#) [quan trọng môi trường](#)

và khí tượng hải dương trên toàn quốc cho tới năm 2020. Kế hoạch này mua sắm khi hoàn thành sẽ góp phần cải thiện năng lực quản lý biển đảo, tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ chủ quyền. Việt Nam cũng là một trong chín quốc gia trên thế giới có thể tự chế tạo hệ thống cảnh giới vùng trời quốc gia tự động. Mang mã hiệu

VQ1-M

, hệ thống này là sản phẩm hoàn toàn nội địa do Tập đoàn viễn thông quân đội Viettel nghiên cứu chế tạo dựa trên công nghệ đồng nước ngoài chuyên giao.

Các vùng mà Việt Nam đã, và sẽ phóng lên quỹ đạo cũng góp phần không nhỏ cho việc tăng cường xây dựng và cải thiện năng lực ISR. Bên cạnh đó là các chương trình phát triển máy bay không người lái (UAV). Việt Nam vừa có gắng tự lực phát triển công nghệ trong nước và cũng vừa hợp tác với nước ngoài để sản xuất các loại UAV khác nhau.

Tuy nhiên, vẫn còn những điểm yếu cần phải khắc phục, và các hợp tác quân sự với Mỹ mua sắm hiện sẽ là chọn cho Việt Nam. Các hệ thống cảnh báo sớm trên không và ra-đa bay bí mật và phòng tin ISR mà Việt Nam đang thiêu. Mặc dù không quân và cảnh sát biển đã trang bị các máy bay tuần thám của Canada và châu Âu, tuy nhiên chúng có tính năng kỹ thuật vừa phải. Với mua sắm đồng bộ biển dài và vùng thềm lục địa rộng lớn, Việt Nam cần các phòng tin khác hiện đại hiện và nhu cầu năng lực hiện.

Nhìn rộng hơn, ISR là một phần của một nỗ lực lớn hơn nhằm xây dựng mạng lưới nhận thức hàng hải không chỉ cho riêng Việt Nam mà còn ở khu vực Đông Nam Á. Một khả năng ISR tốt hơn sẽ giúp không chỉ Việt Nam mà các nước trong khu vực thách thức lợi Trung Quốc tại nơi mà Bắc Kinh luôn xem là “sân sau” của mình.

Các lĩnh vực hợp tác trong tình lai

Một báo cáo đã được Bộ Chỉ huy Thái Bình Dương của Mỹ xuất bản trong năm 2016 phân tích về “[tình năng hợp tác an ninh với Việt Nam](#)”. Trong đó, theo các chuyên gia quốc phòng của Mỹ đánh giá, các mục tiêu hợp tác trước mắt của Việt Nam bao gồm: nâng cấp năng lực tác chiến của tàu ngầm; nâng cao khả năng không-hải trên biển (nhắm vào công tiếp tế); tác chiến chống tàu mặt nước (ASUW); tác chiến chống ngầm (ASW); nhận thức hàng hải (MDA); cảnh báo sớm và các năng lực có liên quan tại chỉ huy, kiểm soát, thông tin, máy tính, tình báo, giám sát và trinh sát (C4ISR).

Cũng theo báo cáo của Bộ chỉ huy Thái Bình Dương, hợp tác quân sự giữa Việt Nam và Mỹ tập trung vào năm lĩnh vực chủ yếu: an ninh hàng hải; hỗ trợ cứu nạn và phòng chống thiên tai; gìn giữ hòa bình; trao đổi nhân lực; và giảm thiểu hợp lực chiến tranh. Trong lĩnh vực an ninh hàng hải, Việt Nam có mối quan tâm rất lớn tại các loại máy bay hải quân (bao gồm cả trực thăng, máy bay cánh băng và máy bay tuần thám biển) đi kèm với đó là các năng lực C4ISR có liên quan. Việt Nam cũng mong muốn hợp tác trong việc xây dựng hệ thống giám sát hàng hải thông minh (Integrated Maritime Surveillance System – IMSS) và các hệ thống giám sát bờ biển (Coastal Surveillance).

Ngoài ra, cả hai bên cũng sẽ hợp tác nâng cao năng lực cho các lực lượng chấp pháp biển bán tự trang, bao gồm huấn luyện và trang bị các loại tàu tuần tra biển và xây dựng trung tâm huấn luyện. Một điểm đáng chú ý là tình năng trong việc Việt Nam sẽ mua các loại máy bay không người lái chuyên hoạt động trên biển (chương trình này bắt đầu từ năm, từ 2019). Trong các lĩnh vực khác, hợp tác giữa hai bên chủ yếu xoay quanh việc Mỹ giúp Việt Nam thiết lập các trung tâm huấn luyện, cũng như hỗ trợ trang thiết bị cần thiết cho từng lĩnh vực hợp tác cụ thể.

Báo cáo cũng nêu ra lợi khuyến cho tình bình chung cụ thể của quân đội Việt Nam và qua đó là những gợi ý hợp tác có liên quan:

- Lực quân: cần phải tái cấu trúc cơ cấu lực quân, dịch chuyển từ phòng thủ theo khu vực sang chiếm giữ vai trò lớn hơn trong báo vệ chủ quyền quốc gia. Bên cạnh đó là gia tăng năng lực phòng phó với thiên tai.
- Không quân: gia tăng năng lực cảnh báo sớm và ISR; tăng cường khả năng ngăn chặn hàng hải (maritime interdiction); phát triển năng lực chống xâm nhập/chống tiếp cận (A2/AD) và tăng cường huấn luyện phi công.
- Hải quân: cải thiện năng lực MDA; phần công điện tử (electronic countermeasures) và chống phần công điện tử (electronic counter-countermeasures); do thám điện tử (electronic intelligence); cải thiện năng lực chấp pháp biển; phát triển lực lượng không quân hải quân; tăng cường các năng lực ASW và ASUW.

Phát biểu của một số quan chức cao cấp của quân đội Việt Nam cũng đưa ra những đánh giá và góc nhìn có thể gọi là "quan điểm" của Việt Nam. Ông Nguyễn Giám đốc Học viện Quốc phòng Việt Nam, [trung tướng Nguyễn Tiến Trung](#) trả lời báo chí cho rằng: Việt Nam có thể chấp thuận mua sắm các vũ khí công nghệ cao, mà trước hết mua các loại phương tiện không như hàng hải thông thường và khí như máy bay trinh sát, tàu tuần thám, máy bay cứu hộ cứu nạn v.v

Trung tướng Nguyễn Thế Lực, nguyên Chánh văn phòng Bộ Quốc phòng và Quân ủy Trung ương, một dù đánh giá cao quy mô định购 bộ công việc của Mỹ, lý do cho rằng việc mua vũ khí Mỹ đối với Việt Nam [không phải điều dễ dàng](#) . Ông nêu lên bốn điểm cần phải được xem xét kỹ: (1) việc tích hợp công nghệ vũ khí; (2) giá cả; (3) nhân lực và (4) bảo dưỡng. Cũng theo Trung tướng Lực, việc mua các loại vũ khí gì cần cân nhắc kỹ càng và phải tuân thủ vào nhu cầu của Việt Nam.

Có thể nhận thấy rằng tâm hợp tác quốc phòng Mỹ - Việt trong khoảng thời gian 5 năm tới xoay quanh đảm bảo an ninh hàng hải là chủ yếu, trọng tâm sẽ là cải thiện năng lực MDA. Với Sáng kiến An ninh hàng hải (MSI) được Mỹ chính thức đưa xuất vào năm ngoái, Việt Nam sẽ không những có thể nâng cao năng lực của mình, mà còn có khả năng kết nối khu vực, giúp nâng cao hợp tác đa phương trong vấn đề an ninh biển một cách cụ thể.

Cũng có thông tin cho rằng Việt Nam có thể trước mắt tiếp cận các trang thiết bị vũ khí Mỹ thông qua chương trình vũ khí dôi d thừa (excess defense articles-EDA) của Lưu Nắm Góc. Chương trình này giúp các nước đồng minh và đối tác có thể mua lại các vũ khí đã qua sử dụng của Mỹ với giá rẻ hơn rất nhiều nếu mua mới. Một ví dụ

là việť Indonesia mua [24 máy bay F-16 cộa Mộ](#) vào nộm 2014, vội độn giộ mội chiộc chộ vào khoộng một phộ ba so vội giá gộc (dộ nhiên là Indonesia chộu chi phí sộa chộa và bộo trì). Tuy Quộc hội Mộ vộn sộ phội thông qua các quyộť độnh mua bán nhộng, đây cộng là một cách tiộp cộn cộn lộu tâm.

Trộc một, các loội vộ khớ cộ thộ mà Việť Nam có thộ nhộm tội sộ chộ yộu phộc vộ cội thiộ MDA và C4ISR, cộ thộ: các loội máy bay chộng ngộm và vộ khớ đi kèm (hộu nhộ chộ xoay quanh P-3 Orion hay dòng Hercules); các loội máy bay cộnh báo sộm trên khộng (khộ nộng cao là các máy bay cộa Airbus, độa trên khung gộm máy bay vộn tội C-295 đợng có trong biên chộ); các loội ra-đợ bộo vộ bộ biộ, ra-đợ giám sát (cộa Israel hoặ cộa Mộ) v.v

Khộ nộng Mộ hiộ diộ nhiộu hộn tội Việť Nam trong tộng lai cộng cộn độc độ cộp. Cam Ranh là một ví độ cộ thộ. Bộộc đợng giá là vộnh nộc sâu tột nhột tội Biộ động, Cam Ranh sộ hộu [ba giá trộ chiộ nộc quan trộng](#) : vộ trí độa lý; khộ nộng phòng thộ tột và có khộ nộng tiộp tộ tột. Tàu chiộ cộa các nộc đợ có thộ tội cộng liên hộp Cam Ranh độ sộa chộa và tiộp nhiên liộ, lộng thộc. Liộ trong tộng lai Việť Nam có cho phép hội quân Mộ tiộp cộn Cam Ranhộ mộc độ nhộ Nga hiộ tội hay khộng? Và đội nhộng độu kiộ nhộ thộ nào? Đây là nhộng câu hội cộn độc thộo lộ.

Khộ nhộng tội Cam Ranh, độ Nộng cộng độc phớ Mộ lộu tâm. [Thông tin tộ báo giộ](#) Mộ cho rộng cộ hai nộc đợng đợm phán vộ việť Mộ thiộť lộp một cộn cộ hộu cộn tội độ Nộng độ đội phộ vội thộm hoặ thiên tai. Hộp tác trong lộnh vộc này, nhộ đợ độ cộp, là một trong nộm trộng tâm hộp tác an ninh quộc phòng giộa hai nộc trong 5 nộm tội. Độ Nộng là đội bộn doanh cộa hội quân vùng 3 và là nội đợť Trung tâm phội hộp tìm kiộm cộu nộn Hàng hội khu vộc II. Vội cộ sộ hộ tộng sộn có tội đây, một trung tâm hộu cộnộ độ Nộng chộn chộn mang nhiộu ý nghộa hộn là một độn vộ logistic đợn thuộ.

Tóm lội, độ độa hộp tác quân sộ giộa hai quộc gia Việť Nam-Mộ đợng đợn đợn nội rộng ra vội tộng thớch vộ tộm nhìn và hội tộ vộ tộng đợng lội ích chiộ nộc. Thộo lộnh vộ hộ quộ đợ chiộu cộa quyộť độnh độnh độ bộ hoàn toàn lộnh cộm vộn vộ khớ sát thộng cộa Mộ là một độp độ tộng quan lội nhu cộu hộp tác, cộng nhộ xem xét khộ nộng và giội hộn cộa cộ hai bên. Xét trong ngộh hộ, hộu cộn và huộ luyộ sộ là nhộngộ nhộ vộc đợng chuyộ đợng, và sộ tộng tộc nhanh. Nộn tộng cộa hai lãnh vộc này sộ là độu kiộ thúc đợy phát triộ hộp tác C4ISR Việť Nam-Mộ trong tộng

lai xa h n.

TS Tr ng Minh Huy V , Giám đ c Trung tâm Nghiên c u Qu c t (SCIS), i h c KHXH&NV, i h c Qu c gia TP .HCM.

Nguy n Th Ph ng , Nghiên c u viên c ng tác t i Trung tâm Nghiên c u Qu c t (SCIS), i h c KHXH&NV, i h c Qu c gia TP.HCM.

Bài vi t thu c b n quy n Nghiên c u Bi n ô ng. nh ngh ch đ c đ n đ ng link bài vi t, không đ ng l i khi ch a có s đ ng ý c a Ban Biên t p.